

Tạo lúc:9:43 19/03/2008 (GMT+7)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ - P. Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP.HCM

Mẫu CBTT-03: (Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT - ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
(Năm 2007)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
I	Tài sản ngắn hạn	572,743,181,459	
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47,153,956,055	
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	162,534,665,345	
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	361,104,497,956	
4	Hàng tồn kho	-	
5	Tài sản ngắn hạn khác	1,950,062,103	
II	Tài sản dài hạn	55,126,005,435	
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	
2	Tài sản cố định	3,428,746,710	
	- Tài sản cố định hữu hình	2,970,152,043	
	- Tài sản cố định vô hình	458,594,667	
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	
3	Bất động sản đầu tư	-	
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	50,498,980,000	
5	Tài sản dài hạn khác	1,198,278,725	
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	627,869,186,894	

IV	Nợ phải trả	327,390,284,920	
1	Nợ ngắn hạn	327,390,284,920	
2	Nợ dài hạn	-	
V	Vốn chủ sở hữu	300,478,901,974	
1	Vốn chủ sở hữu	300,478,901,974	
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240,000,000,000	
	- Thặng dư vốn cổ phần	50,000,000,000	

	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	
	- Cổ phiếu quỹ	-	
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	
	- Các quỹ	-	
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10,478,901,974	
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	
	- Nguồn kinh phí	-	
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	627,869,186,894	

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43,474,306,993	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	565,052,074	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,909,254,919	
4	Giá vốn hàng bán	18,099,564,335	
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24,809,690,584	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	-	
7	Chi phí tài chính	-	
8	Chi phí bán hàng	-	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,310,910,608	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,498,779,976	
11	Thu nhập khác	10,863,043	
12	Chi phí khác	5,400,000	
13	Lợi nhuận khác	5,463,043	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,504,243,019	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,025,341,045	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10,478,901,974	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,321	
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản cố định/Tổng tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.55% 8.78% 91.22%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	52.14% 47.86%
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	14.40% 174.94%
4	Tỷ suất lợi nhuận - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	2.31% 1.67% 24.42% 3.49%

Ngày 13 tháng 3 năm 2008

Lập bởi

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

Nguyễn Thị Lệ Tùng

Nguyễn Thị Quy

Vũ Hồng Hạnh